

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Bản án số: 116/2019/HSST

Ngày: 13-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Ngọc Lan và Bà Trần Bích Thủy.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:

Ông Trần Văn Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, số 60 đường N, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 107/2019/TLST- HS ngày 09 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2019, đối với:

Bị cáo Nguyễn Đăng T (Tên gọi khác: L). Sinh ngày: 30-10-1985, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: 292 đường L, phường H, thành Phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Nguyễn Đăng H và con bà Lê Thị X; Gia đình có 05 anh em ruột, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là Lưu Thị Thanh G, sinh năm 1986 và 01 con lên 8 tuổi; Tiền án: có 01 tiền án, vào năm 2012 bị kết án 07 năm 06 tháng về hai tội Trộm cắp tài sản và Cướp giật tài sản theo bản án số 82/2012/HSST ngày 25-4-2012 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04-12-2018 cho đến nay “có mặt”.

Bị hại:

1. Bà Lê Thị C, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ 3- khu vực 2, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế “có mặt”.

2. Chị Trần Thị Bích P, sinh năm 1999; Địa chỉ: số 01/20 Kiệt 210 đường P, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế “vắng mặt”.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị X; Địa chỉ: 292 đường L, phường H, thành Phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế “có mặt”.

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Thanh M. Địa chỉ: số 29 đường D, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế “vắng mặt”.

2. Anh Trình Ngọc Châu A. Địa chỉ: 166A đường M, phường Th, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế “vắng mặt”.

3. Chị Đỗ Thị I. Địa chỉ: Tổ 19- Khu vực 6, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế “vắng mặt”.

4. Anh Lê Thành Ng. Địa chỉ: số 72 đường Q, phường O, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 11 giờ 00' ngày 25-9-2018, Nguyễn Đăng T điều khiển xe mô tô Yamaha nhãn hiệu Nouvo, biển số 75K5-XXXX chạy trên đường N, thành phố H theo hướng từ siêu thị BigC đi ga Huế. Nguyễn Đăng T nhìn phía trước thấy bà Lê Thị C đạp xe đạp một mình cùng chiều, ở trước giỏ xe có để 01 túi nilon màu xanh. T nảy sinh ý định chiếm đoạt, nên tiếp tục bám theo phía sau. Khi đến đoạn trước nhà số 83 N, thấy đường vắng người, T liền điều khiển xe vượt lên áp sát bên phải xe đạp của bà C, dùng tay trái giật túi nilon rồi tăng tốc độ xe tẩu thoát. Nguyễn Đăng T chạy xe đến khu vực công viên bờ Bắc sông H thì dừng lại, mở túi nilon kiểm tra có 2.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Mobell, 01 điện thoại di động hiệu Samsung và các sổ sách, giấy tờ cá nhân của bà C. T lấy 2.000.000 đồng và 02 điện thoại. Còn các sổ sách giấy tờ, T vứt bên đường. Sau đó, T kiểm tra thấy 02 điện thoại đã cũ, bị hư hỏng nên đã vứt bỏ vào thùng rác bên đường. Quá trình điều tra, không thu giữ được tang vật của vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 101/KL-HĐĐG ngày 14-3-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế tiến hành định giá qua hồ sơ xác định: Không có căn cứ để định giá 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, đã cũ và bị hư hỏng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung nắp gập, màu vàng đã cũ và bị hư hỏng.

Tổng cộng giá trị tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Lê Thị C yêu cầu bị cáo T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 2.000.000 đồng. Bà Lê Thị X là mẹ của bị cáo Nguyễn Đăng T đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho bà C. Bà C không yêu cầu gì thêm, và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 04-12-2018, Nguyễn Đăng T điều khiển xe mô tô trên đường P, phát hiện chị Trần Thị Bích P đang đạp xe đạp cùng chiều, phía trước giỏ xe đạp có để một balô nên chạy bám theo. Khi chị P đạp xe đến trước nhà số 57 đường B, phường V, thành phố H, T điều khiển xe vượt lên, áp sát bên phải xe chị P, dùng tay giật lấy balô đang để trước giỏ xe của chị P rồi tăng tốc độ xe tẩu thoát. Sau đó, T lục trong balô thấy có nhiều sách vở và có một điện thoại di động hiệu OPPO A37, màu hồng. T lấy chiếc điện thoại này đưa đến cửa hàng điện thoại di động Nhất Trinh tại 166A Mai Thúc Loan, phường L, thành phố H gặp chủ tiệm là anh Trình Ngọc Châu A. T nói với anh A đây là điện thoại của mình, không có nhu cầu sử dụng, cần bán, rồi thỏa thuận bán cho anh A với số tiền 750.000 đồng. Số tiền có được, T sử dụng hết 250.000 đồng. Đối với ba lô và các vật dụng bên trong, T cất giữ, sau đó giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế.

Khoảng 01 giờ sau khi mua chiếc điện thoại di động trên, anh A đã bán lại cho anh Nguyễn Thanh M với số tiền 900.000 đồng. Khi biết chiếc điện thoại di

đồng do T cướp giật mà có, anh M đã đưa đến trả lại chiếc điện thoại này cho anh A để anh A giao nộp cho Cơ quan điều tra. Đồng thời, anh A đã trả lại cho anh M số tiền 900.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37, màu hồng, số Imel 1:866977031165774, số Imel 2: 866977031165766; 01 túi xách dạng balô nữ bằng da, màu hồng, có hai quai mang, trên túi xách có đính miếng kim loại màu vàng ghi chữ MGM MeiGaoMel G1987; 01 cuốn vở học môn tin học; 01 ốp viền điện thoại di động hiệu OPPO A37 bằng cao su màu đen; 01 xe mô tô Yamaha nhãn hiệu Nouvo, biển số 75K5-XXXX; 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Trần Thị Bích P; 01 biên lai thu tiền của trường Đại học Ngoại ngữ H lập, người nộp là Trần Thị Bích P; 01 hóa đơn GTGT ngày 24-02-2018, ghi nhận việc chị P mua điện thoại.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 58 ngày 07-01-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định: tại thời điểm bị chiếm đoạt, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37, màu hồng, có giá trị 800.000 đồng; 01 túi xách dạng balô nữ bằng da, màu hồng, có hai quai mang, trên túi xách có đính miếng kim loại màu vàng ghi chữ MGM MeiGaoMel G1987, có trị giá 20.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà T đã chiếm đoạt trong vụ này là: 820.000 đồng (Tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, xác định chiếc xe mô tô Yamaha nhãn hiệu Nouvo, biển số 75K5-XXXX là của chị Đỗ Thị I mua lại của anh Lê Thành Ng. Chị I cho T mượn để đi lại. Việc T sử dụng chiếc xe mô tô này để thực hiện hành vi phạm tội, chị I không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã trả lại phương tiện này cho chị I. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế cũng đã trả lại cho chị Trần Thị Bích P toàn bộ tài sản do Nguyễn Đăng T chiếm đoạt. Sau khi nhận lại tài sản, chị P không có yêu cầu gì thêm. Bà Lê Thị X là mẹ của Nguyễn Đăng T đã tự nguyện giao nộp số tiền 250.000 đồng để Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế trả lại cho anh Trình Ngọc Châu A cùng với số tiền 500.000 đồng đã tạm giữ của bị cáo T. Sau khi nhận đủ tiền, anh A không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 116/CT- VKS ngày 08-5-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng T, về tội: Cướp giật tài sản, theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm theo bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng T phạm tội: Cướp giật tài sản; Đề nghị áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng T từ 05 năm tù đến 06 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu

cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị hại: Tại phiên tòa, bị hại là bà Lê Thị C có mặt còn chị Trần Thị Bích P vắng mặt nhưng tại Cơ quan điều tra khai đã nhận lại tài sản và số tiền bồi thường thiệt hại về tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị X trình bày: Về số tiền mà bà đã bỏ ra để bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo T là do bà tự nguyện, tại phiên tòa hôm nay bà X cũng không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền này. Bà X đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung theo quy định của pháp luật.

[2] Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế thu thập trong hồ sơ đều có giá trị pháp lý.

[3] Quá trình điều tra truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

[4] Căn cứ kết tội đối với bị cáo Nguyễn Đăng T:

Trong các ngày 25-9-2018 và 04-12-2018, tại thành phố H bị cáo Nguyễn Đăng T sử dụng xe mô tô Yamaha nhãn hiệu Nouvo, biển số 75K5-XXXX làm phương tiện để thực hiện hành vi cướp giật tài sản 02 lần. Cụ thể: Lần 1, vào khoảng 11 giờ 0 phút ngày 25-9-2018, tại đường N, trước nhà số 83, phường V, thành phố H bị cáo T cướp giật của bà Lê Thị C 01 túi nilon khi bà C đang đạp xe trên đường, bên trong túi nilon có 2.000.000 đồng, 01 số tài sản không có giá trị và các sổ sách, giấy tờ cá nhân của bà C. Giá trị tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt là 2.000.000 đồng. Lần 2, vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 04-12-2018, tại trước số nhà 57 đường B, phường V, thành phố H T cướp giật của chị Trần Thị Bích P 01 túi xách dạng ba lô có giá trị 20.000 đồng, bên trong túi xách có 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37, có trị giá 800.000 đồng và sách vở, giấy tờ cá nhân của chị P. Giá trị tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt là 820.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Đăng T cướp giật 02 lần là 2.820.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng). Hành vi mà bị cáo Nguyễn Đăng T đã thực hiện là đủ yếu tố cấu thành tội: Cướp giật tài sản, theo quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do bị cáo T đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà nay lại dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe mô tô hiệu Yamaha nhãn hiệu Nouvo, biển số 75K5-XXXX làm phương tiện để thực hiện hành vi tội phạm nên đã phạm vào các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là “ Dùng thủ đoạn nguy hiểm; Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung

năm 2017. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng T, về tội: Cướp giật tài sản, theo điểm d, i khoản 2 điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vẫn nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng do động cơ tham lam, vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm để giáo dục bị cáo và ngăn ngừa chung.

[5] Xét về tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo Nguyễn Đăng T thì thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo T là rất nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại về sức khỏe và tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Về nhân thân, thì bị cáo có nhân thân xấu, vào năm 2012 bị kết án 07 năm 06 tháng về hai tội: Trộm cắp tài sản và Cướp giật tài sản, theo bản án số 82/2012/HSST ngày 25-4-2012 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tuy đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích.

[6] Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Đăng T đã phạm vào tình tiết nặng nề trách nhiệm hình sự là “ Phạm tội hai lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Xét tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường đầy đủ thiệt hại tài sản cho các bị hại; Tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Đăng T một phần khi quyết định hình phạt.

Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Đăng T là có căn cứ pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đăng T bồi thường thiệt hại về tài sản. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị X cũng không yêu cầu bị cáo bồi hoàn lại số tiền mà bà đã bỏ ra để bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đăng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đăng T (tên gọi khác: Lúi) phạm tội: Cướp giật tài sản.

Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51,

điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đăng T 04 năm 06 tháng tù về tội: Cướp giật tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, là ngày 04-12-2018.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đăng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Công an thành phố Huế;
- Phòng PV27;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Thi hành án dân sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Phú